

McCain

TRAN THI MUI
(LE-VAN-CHANH)

daughter:

- LE THI NGOC ANH (June 10/63)
ID: 0384894, 17:31 - 0158
- interview date: Jan 28, 1999
denied
- reason: Relationship not established.
- request: review and re interview
- this trial is on 4-4-99.

SEATTLE ngày 24-2-1999.

Đầu xuân tâ. Kính chúc bà một năm
mới an khang và thịnh vượng

Tôi tên là Trần thu Mùi Thường trú

SEATTLE Wa 98104, nhờ
bà giúp cho tôi một việc như sau:

Tôi có một đứa con gái tên LÊ THỊ-
NGỌC-ANH sinh ngày 16.6.1963 còn kết
lại ở Việt Nam và trên 21 tuổi. Sai
uầy có tư chính án của TNS John McCain
Nên con tôi tên Lê Thị Ngọc-Anh được gọi
vào Sở ngoại vụ ở Saigon phỏng vấn ngày
28 tháng 1 (giêng) năm 1999, bị Phái đoàn
đánh rớt không rõ ràng sự liên hệ mĩ cha
me như sau:

- Không có hình chụp chung với cha mẹ
anh chị em ngày xưa.

- Không có giấy tờ cũ tuổi năm 75
(ở tại Việt Nam không giữ hình ảnh và
giấy tờ cũ, khi phỏng vấn nên Ngọc-
Anh không có tờ đưa ra làm chứng với
phái đoàn được)

Trước đây Ngọc Anh có viết thư và gửi
giấy tờ thời của Phái đoàn qua cho
tôi. Ở Mỹ tôi còn giữ nguyên
hình ảnh và giấy tờ cũ tuổi 75.
Vì vậy tôi Sao lại Hết ảnh cũ và giấy
tờ tuổi 75 đến bà giúp đỡ.

Giấy tờ và hình ảnh cũ tuổi 75 gồm có:
1/ 1 Tấm hình Fôto Chụp Chung gia đình gồm
có 2 vợ chồng tôi, Ngọc Anh và Lê Thanh vân
con trai của tôi.
2/ 1 Tấm hình Fôto chụp 2 chị em: Ngọc Em là chị
của Ngọc ANH.

3) 1 Tấm Hình Foto 4 chi em: Ngọc Anh, Ngọc Em.

Ngọc Phương và Ngọc Dung

- Giấy tờ cũ trước 75 gồm có:

a) Tờ khai gia đình trước 75

b) Tờ khai sinh của Lê Thị Ngọc Anh hiện năm 75

c) Tờ khai sinh của Lê Văn Chanh trước 75 là cha Ngọc Anh

d) Tờ khai sinh của Trần Thị Mui trước 75 là mẹ của Ngọc Anh

e) Phiếu tiếp tế của Ty Cảnh sát Quận Gia Định

g) Thẻ Căn cước, và Hồ sơ tiếp tế của Trần Thị Mui là mẹ của Ngọc Anh.

h) Hồ sơ tiếp tế của Lê Văn Chanh là cha của Ngọc Anh

Tôi cũng viết qua cho tôi nói rằng nghe có
thông dịch viên nói là Ngli NGOC ANH có
chồng - Nên về đến nhà con tôi đến
Hội đồng Xá xin một giấy xác nhận cho
tôi này con tôi vẫn còn độc thân tôi
xin tiếp Kém Sưu. Giấy này mới xác
nhận ngày 11.2.99.

Trên khi đến thăm ông tôi xin thêm
thật cảm ơn bà tiên.

TRAN TRI Mui

TB 1/ Nếu có gì thiếu sót tôi có kèm theo 1
bao thư có địa chỉ và gửi kèm nhữ
Bà Hội âm cho.

THE IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE
OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Dear/Kính gửi Le Thi Ngoc Anh : IV# / H31-158
(ODP applicant/Tên người đứng đơn)

- 1) ☐ We regret we are unable to approve your application for refugee resettlement admission to the United States.

To be resettled in the United States as a refugee, an applicant must meet the statutory definition of refugee contained in section 101(a)(42) of the Immigration and Nationality Act (INA), as amended. Refugee status can be approved only if the applicant establishes a credible claim of persecution or a well-founded fear of persecution on account of race, religion, nationality, membership in a particular social group, or political opinion. Additionally, all applicants for refugee status in the United States must establish that they are not precluded from entry into the United States under other sections of law.

During your interview with an officer of the United States Immigration and Naturalization Service (INS), your claim to having been persecuted or having a well-founded fear of persecution was reviewed. At that time, you were given the opportunity to present evidence, documentation, and/or an accumulation of detail through verbal testimony of the events or circumstances that support your claim of persecution or a well-founded fear of persecution. After carefully reviewing your account of these events and surrounding circumstances, it has been determined that you do not qualify for refugee status.

- 2) ☐ You may be eligible for Public Interest Parole (see attached letter).
- 3) ☐ We are unable to approve your application for resettlement in the United States under the Public Interest Parole program because you do not meet the criteria indicated below:

3a) ☐ Married sons and daughters (of former re-education camp detainees who are eligible as refugees) must have approved petitions filed on their behalf, or on behalf of their spouse, by a sibling or closer relation who is currently residing in the United States, who is willing to pay transportation costs, and who demonstrates that he/she has the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3b) ☐ Former US government or private company employees who are not eligible for refugee status may be considered for public interest parole only if they have siblings or closer relations currently residing in the United States who are willing to pay transportation costs and demonstrate that they have the financial ability to support the parolees to ensure they do not become public charges.

3c) ☐ Unmarried children of former US government or private company employees who are approved as Public Interest Parolees are allowed to accompany their parents to the United States only if the children are under the age of twenty-one.

3d) ☒ RELATIONSHIP NOT ESTABLISHED

U.S. INTERVIEW TEAM
28 JAN 1999
HO CHI MINH CITY

[Signature]
Officer of the US Immigration and Naturalization Service
Viện Chức Sở Di Tru Nhập Cư Và Nhập Tịch Hoa Kỳ

Date/Ngày

Applicant Copy

INS-1
Refugee/PIP denial (12/92)

SỔ DI TRÚ NHẬP CƯ VÀ NHẬP TỊCH HOA KỲ

- 1) Chúng tôi rất tiếc chúng tôi không thể chấp thuận đơn xin tị nạn tái định cư tại Hoa Kỳ của Ông/Bà được.

Để được tái định cư tại Hoa Kỳ như một người tị nạn, người nộp đơn phải hội đủ định nghĩa do luật pháp qui định về người tị nạn có trong điều khoản 101(a)(42) của Đạo Luật Di Trú Nhập Cư Và Nhập Tịch đã được bổ sung sửa đổi.

Điện tị nạn chỉ có thể được chấp thuận nếu người nộp đơn đưa ra những lời khai bị ngược đãi đáng tin cậy, hoặc những lo sợ bị ngược đãi thấy rõ, vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, hội viên của những nhóm hội hợp đặc biệt, hoặc phát biểu ý kiến chính trị. Thêm vào đó, những người nộp đơn xin tị nạn ở Hoa Kỳ phải chứng minh không bị loại ra khỏi sự nhập cư Hoa Kỳ do những điều luật khác nữa.

Trong khi được phỏng vấn bởi viên chức Sở Di Trú Nhập Cư Và Nhập Tịch (INS), những lời khai về sự ngược đãi và sự lo sợ bị ngược đãi thấy rõ đã được duyệt xét lại. Ngay lúc đó, Ông/Bà đã có cơ hội để đưa bằng chứng, tài liệu, và những chi tiết góp nhất quá lời chứng về những sự kiện, hoặc hoàn cảnh để bổ túc thêm cho lời khai bị ngược đãi hoặc sự lo sợ bị ngược đãi thấy rõ.

Sau khi đã duyệt xét cẩn thận sự tường trình về những sự kiện và hoàn cảnh xung quanh, chúng tôi đã quyết định rằng Ông/Bà không hội đủ tiêu chuẩn tị nạn.

- 2) Ông/Bà đủ tiêu chuẩn theo diện Tạm Dung Vì Công Ích (PIP) (coi thủ dịnh kèm).

- 3) Chúng tôi không thể chấp thuận đơn xin tái định cư vào Hoa Kỳ theo diện Tạm Dung Vì Công Ích (PIP) bởi vì Ông/Bà không hội đủ tiêu chuẩn đã được chỉ dẫn sau đây:

3a) Con trai và con gái đã có gia đình (của cựu cải tạo viên đã được chấp thuận là người tị nạn) phải có đơn xin đã được chấp thuận do anh em hoặc thân nhân gần, hiện đang cư ngụ tại Hoa Kỳ nộp, bảo lãnh cho họ hay cho vợ/chồng họ và thân nhân cũng ủng thuận trả tiền di chuyển và chứng tỏ rằng họ có khả năng tài chính để cấp dưỡng cho người tạm dung để bảo đảm người này không trở thành gánh nặng của xã hội.

3b) Cựu nhân viên của chính phủ Hoa Kỳ hoặc các hãng tư không đủ tiêu chuẩn ở tình trạng tị nạn có thể được coi như là người tạm dung vì công ích nếu họ có anh em hoặc thân nhân gần hiện đang cư ngụ tại Hoa Kỳ ủng thuận trả tiền di chuyển và chứng tỏ rằng họ có khả năng tài chính để cấp dưỡng cho người tạm dung để bảo đảm người này không trở thành gánh nặng của xã hội.

3c) Những người còn độc thân của cựu nhân viên của chính phủ Hoa Kỳ hoặc các hãng tư đã được chấp thuận là người tạm dung vì công ích, chỉ được phép đi theo cha mẹ tới Hoa Kỳ nếu những người con này dưới 21 tuổi.

Please see the reverse for an English translation
(Xin coi bản dịch tiếng Anh ở mặt sau)

431.158 IV 0384894/LTNA

Seattle, WA. February 10/1999

From : MUI THI TRAN

Seattle. WA. 98104

RIV111815 and 117132

TO : US.INS.

93/1 Wireless Rd. Room 114/1
Bangkok, 10330 Thai Land.

Dear Genttlemen,

My mane is Mui Thi Tran, born in December 10,1938 . I have a broblem that I need to present to you for a reconsideration.

My daughter's name is LE THI NGOC-ANH, born in June 16,1963 at SaiGon Viet Nam. List # H310158, IV#0384894/LTNA.. She is now a single girl,and living in My-Xuan Village, Dong-Nai City, Viet Nam. She had interviewed at Sai Gon City as the program of the Senator John Mc.Cain on Jan 28, 1999 in which allow the children of H.O. Who are over 21 years of age to be interview for departure to The United State. She has unfortunately been rejected with unclearly following reasons .

1) She did not have the old picture taking with her parent .

2) The delegate did not believe that LE THI NGOC-ANH is a single girl.

In the first matter, I would send to you the old picture in which Le Thi Anh has took with her family .

In second matter, I would present to you that before the interviewing, my daughter,Le Thi Ngoc-Anh has came to My-Xuan Village to sign the paper on March 19, 1998 in which she guaranteed to stay in single status . I send this paper to you for my proof .

Ngoc-Anh's father had died in United State in 1997.I prequently keep in touch with my daughter by mail . So, I am sure that she still is a single girl. She knows that now I am very ill and she always told me that she wants to stay in a single status in order to come to United State to see me before I am passed way . She also wish to live in the freedom land as her father's wishing.

As her mother, I guarantee that Le Thi Ngoc-Anh still is a single girl and I would take a responsible and any punishment of the authority if those matters are not true .

Please reopen the case of my daughter and put it in reconsideration .
I am sincerely thank to you for your kindness .

SINCERELY YOURS

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME
This 11th day of Feb. 1999

MUI THI TRAN

Phu Viet Ho, Notary Public in and for
The State of Washington, residing in
Seattle, WA. 98104

My commission expires on October 29, 2001

H31.158.1V 0384894/LTNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN TƯ PHÁP
XÃ MỸ XUÂN

TỜ CAM KẾT

(Thay cho giấy xác nhận độc thân)

Kính gửi : ỦY BAN NHÂN DÂN Phường (xã) MỸ XUÂN
Quận (Huyện) TÂN THẠNH Thành Phố (Tỉnh) BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Tôi tên là : Lê Thị Ngọc Anh
Sinh ngày : 16 - 06 - 1963 tại Sài Gòn
CMND số : 2.70.7.43.01.4 cấp tại MỸ XUÂN ngày 27 - 12 - 1983
Nghề nghiệp : Nôn Tọc
Hiện cư ngụ tại số : MỸ XUÂN đường
Tổ Dân phố 11 Phường Quận
Thành phố BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Tôi xin cam kết rằng :

Từ trước đến nay tôi không có lập hôn thú với ai và hiện nay vẫn còn sống độc thân .

* Lý do : Để bổ túc hồ sơ XUẤT CẢNH

Tôi xin cam kết những điều trên đây là đúng sự thật , nếu có gì man trá tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước .

Kính mong Quý Ban vui lòng nhận .

Xin thành thật biết ơn .

MỸ XUÂN Ngày 11 tháng 2 năm 1999

ỦY BAN NHÂN DÂN

Phường (Xã) : MỸ XUÂN
Quận (Huyện) : TÂN THẠNH
Thành Phố (Tỉnh) : BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Chứng nhận : Ông (bà) Lê Thị Ngọc Anh
Hiện đang sống độc thân .

Kính đơn

Am

Lê Thị Ngọc Anh

Ngày 11 tháng 02 năm 1999
TM.UBND Phường (Xã)

ĐẠI CHƯ TỊCH

Nguyễn Thành Đức

431.158
V 0384894
LTNA



Từ Trái Sang Phải.

- 1/ Lê Thị Ngọc ANH 1963
- 2/ Trần Thị Múi 1938
(chết)
- 3/ Lê Văn CHÁNH (Còn cải tạo tại VN)
- 4/ Lê Thanh Vân

: Con gái của Lê Văn Chánh và Trần Thị Múi
: Trần Thị Múi là mẹ của Ngọc Anh
: Lê Văn Chánh là cha của Ngọc Anh
: Lê Thanh Vân là anh ruột của Ngọc Anh.

H31. 158. IV 0384894/LTNA

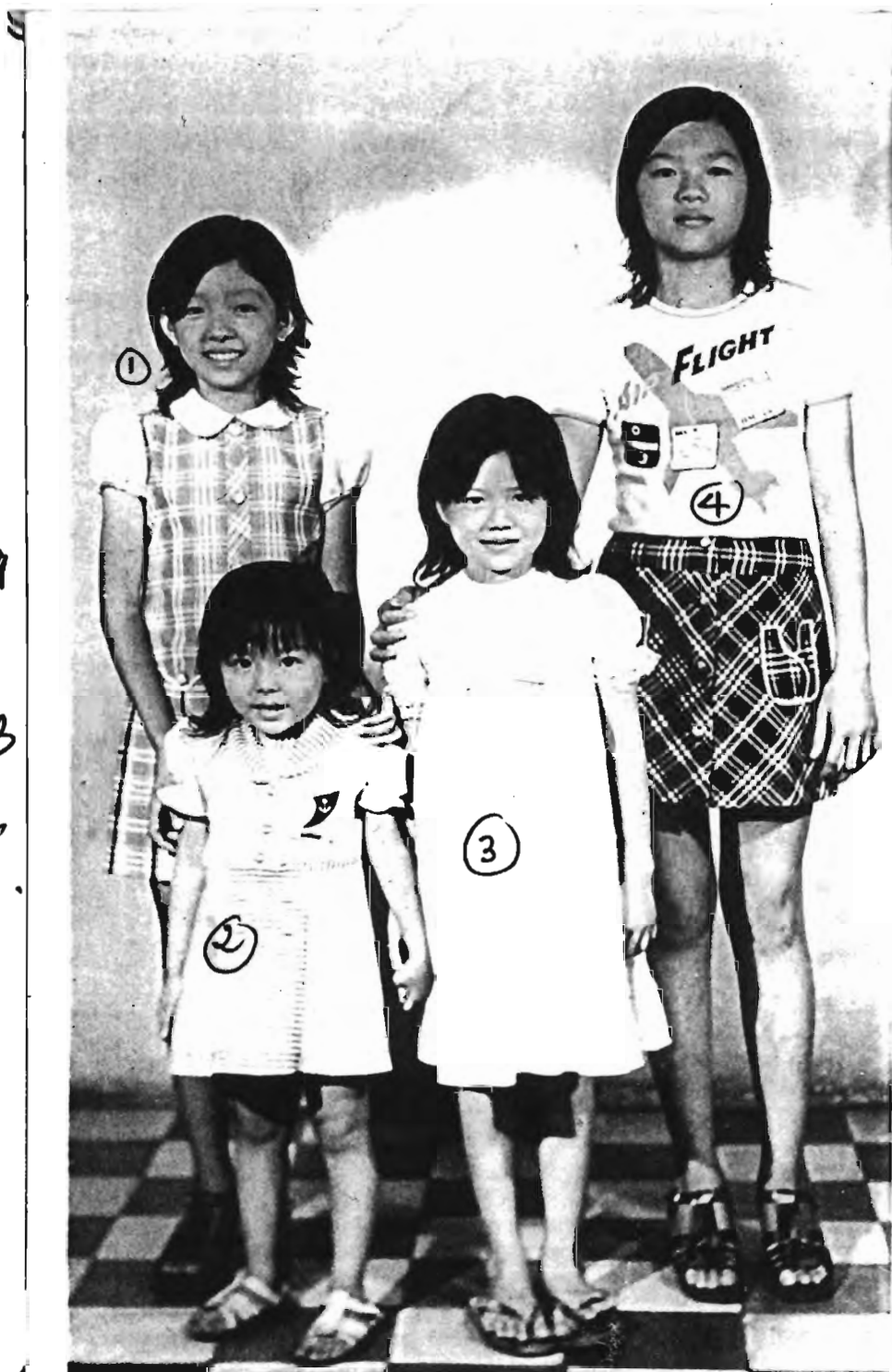
Từ Trái Sang Phải.

1/LÊ THỊ NGỌC EM 1965
cư ngụ tại Mỹ

2/LÊ THỊ NGỌC DUNG 1972
cư ngụ tại Mỹ

3/LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG 1969
cư ngụ tại VN
đã có chồng.

4/LÊ THỊ NGỌC ANH 1963
cư ngụ tại VN
đang gọi đi phỏng vấn.



H31.158. 1U 038 4894 / LTNA

Từ Trái sang phải:

1/ Lê Thị NGỌC EM 1965 cư ngụ tại SEATTLE Wa.
2/ Lê Thị NGỌC ANH 1963 còn ở tại VN có mang mắt kính.



28/01 '99 10:24

884 8 8298540

BFAI SAIGONS HO

→ BFAI SAIGONDI HO

008

219916

431.158

TO : TRẦN THỊ MÙI

Ngày 28.1.1999

IV 0384894/LTNA

SEATTLE - LA - 08104

LA - USA

Tel :

Fax :

C

Kính thưa má,

Năm mới sắp đến, con có lời thăm sức khỏe má, kính chúc má một năm mới tốt lành và gặp nhiều may mắn.

Vừa qua, con được phái đoàn Mỹ tại TP.Hồ Chí Minh phỏng vấn, nhưng con đã bị phái đoàn Mỹ từ chối, lý do :

- Không có hình của con ngày xưa, lúc còn nhỏ, được chụp chung với cha mẹ.
- Phái đoàn không tin việc con chưa có gia đình.

Hiện nay cuộc phỏng vấn bị gác bỏ, coi như con bị rút.

Kính mong má gọi điện về gặp cho con.

Kính thư,

Con,

LÊ THỊ NGỌC ANH

[Signature]

H31. 158 1V 038 48 94

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

V13

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận 1

Số hiệu 3012/A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM một nghìn chín trăm sáu mươi ba (1963)

Nhà in Inh. Nam-Viet Saigon. 4-ĐO DT

Tên, họ đứa nhỏ	LE THI NGOC-ANH
Phái	NỮ
Ngày sanh	Suối sáu tháng sáu năm một nghìn chín trăm sáu mươi ba, 15 giờ 30
Nơi sanh	Saigon, 284 đường Công Quỳnh
Tên, họ người cha	LE VAN THANH
Tuổi	ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiep	Cảnh sát viên
Nơi cư-ngụ	Saigon, 407A đường Thủ Khoa Huân
Tên, họ người mẹ	TRẦN THỊ THUY
Tuổi	hai mươi lăm tuổi
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 407A đường Thủ Khoa Huân
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 01 / 6 / 1963

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH :

Saigon, ngày 19 tháng 7 năm 1963

Quận-Trưởng, Quận 1



H31.158 IV 038 4814 / LTNA

Sở Tư-Pháp Quốc-Gia
Nam-Việt
(Service Judiciaire National
du Sud-Vietnam)

QUỐC-GIA VIỆT-NAM
(ETAT DU VIET-NAM)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Vinhlong

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN SAO LỤC BỘ KHAI SANH Làng Tân an ở (Vinhlong)
(Extrait du registre des actes de naissance)

NĂM 1951 SỐ HIỆU 29
(Année) (Acte No _____)

(NAM-VIET)
(Sud-Vietnam)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Lê Văn Thanh</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Trái</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>16-12-1951</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Tân an ở</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Lê Văn Tiếng</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tân an ở</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Trần-thị-Hạt</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tân an ở</u>
Vợ chánh hay là vợ thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Chúng tôi, Kiểm hiên Thành
(Nous
Chánh-án Tòa Vinhlong
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(certifies l'authenticité de la signature de L.)
ông Nguyễn-Bá-Bao

Chánh-Lục-sự Tòa-án này.
(Greffier en chef audit tribunal).
Vinhlong ngày 22-12- 195 4

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT).

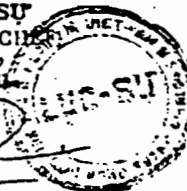
Sao y bản chánh.
(Pour extrait conforme)

Vinhlong ngày 22-12- 195 4

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHIEF)
Có huy một chữ



Giá tiền: 1230
(Cost)
Biên lai số 1963
(Quittance n°)



431. 158 . IV 038 48 94 / LTNA

QUỐC-GIA VIỆT-NAM

BỘ TƯ- PHÁP

Sở Tư-Pháp Nam-Việt

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN SÁC LỤC BỘ KHAI SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-VIỆT)

(Sud-Việt Nam)

NĂM 1938

(Année)

SỐ HIỆU 50

Acte N°

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRẦN THỊ LỢI (minh hưởng)
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	LE 10 DECEMBRE 1930
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	PHU LỢI
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	TRẦN TÂN
Cha làm nghề gì (Sa profession)	ĐUỐC ĐÀN
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	PHU LỢI
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYỄN THỊ CHANG
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	ĐUỐC ĐÀN
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	PHU LỢI
Vợ chánh hay là vợ thứ (Son rang de femme mariée)	VỢ CHÁNH

Chúng tôi, HUYNH HIỆP TRẦN

(Nous)

Chánh-án Tòa-án

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của

(Certifions l'authenticité de la signature de M.)

ông PHAN VĂN ĐỒ

Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.

(Greffier en chef dudit tribunal).

ngày 22 / 5 / 1950

CHÁNH-ÁN

(PRÉSIDENT)

Sao y bản chánh,

(Pour extrait conforme)

ngày 22 / 5 / 1950

CHÁNH LỤC-SỰ

(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền

(Coût)

Biên lai số

(Quittance n°)

LỜI CHỈ - DẪN

I. Lập tờ khai gia đình:

Khi cư ngụ ở một nơi quá 3 tháng thì phải lập tờ khai gia đình. Gia-Trường xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai gia đình, rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã để kiểm-nhận, kèm theo tờ khai thay đổi nơi cư-trú.

II. Khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình:

Khi có thêm hay bớt người trong gia đình thì phải khai báo để cấp như: khai gia đình. Gia-Trường xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã để kiểm-nhận, kèm theo tờ khai gia đình (bản mẫu) và các giấy tờ chứng-minh khi sinh, khai tử, tờ khai thay đổi nơi cư-trú v.v....

III. Khai tạm trú trong gia đình:

Khi có thân-nhân đến tạm trú trong gia đình, phải khai báo để ghi vào sổ đăng-lai.

a) Từ 1 đến 30 ngày: Gia-Trường nộp cho Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng tờ khai xin tạm trú để xin kiến-thị kèm theo thẻ căn-cước của người xin tạm trú. Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 30 ngày.

b) Từ 1 đến 3 tháng: Gia-Trường xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai xin tạm trú, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã để xin kiểm-nhận kèm theo thẻ căn-cước của người xin tạm trú. Phường-Trưởng hoặc Xã-Trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 3 tháng.

c) Trên 3 tháng: Người xin tạm trú hoặc phải trở về nguyên quán hoặc phải xin ghi tên tại lập tờ khai gia đình nơi cư-ngụ mới.

CÁC CHỈ

theo 1 trong 2 thẻ thực sau đây.

nếu đương sự giúp việc lâu dài, áp-dụng thủ-tục khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình (Mục II).

nếu đương sự giúp việc tạm thời áp-dụng thủ-tục khai tạm trú trong gia đình (Mục III).

IV. Khai thay đổi nơi cư trú:

Khi rời hẳn nơi cư-ngụ cũ để đi ở nơi khác, thì phải khai báo thay đổi nơi cư trú để được ghi tên hay lập tờ khai gia đình tại nơi cư-ngụ mới. Đương sự xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai thay đổi nơi cư trú, rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã kèm theo tờ khai gia đình (bản mẫu) Phường-Trưởng hoặc Xã-Trưởng bớt tên đương sự trong tờ khai gia đình nơi cư-ngụ cũ, kiểm-nhận tờ khai thay đổi nơi cư-trú rồi giao cho đương sự 1 bản để nộp vào sổ khai gia đình tại nơi cư-ngụ mới.

V. Biện-pháp chỗ-tại:

Gia-Trường có trách-nhiệm khai báo để được tờ khai gia đình lúc nào cũng phù hợp với biện-pháp nhân-số trong gia đình.

Những người không chịu khai báo, hay khai không thành thật (không kê việc khai gian trá có thể bị truy tố theo Hình-Luật sẽ bị phạt vi-tính, chiếu điều 9 Nghị-định số 373-BNV/HC/NĐ ngày 30-1-1978 của Bộ Nội-Vụ vi không tuân lệnh của nhà chức-trách hành-chính, mà theo điều 491 của Bộ Hình-Luật mới ban hành, thì người nào vi phạm sắc-lệnh và Nghị-định hợp-pháp của chức quyền Hành-chánh hay chức quyền Đô-Tỉnh-Thị sẽ bị phạt và tù 401.500 đến 600.500 và theo điều 492 kể tiếp thì, ngoài hình phạt và can-phạm có thể, tùy trường hợp, bị phạt giam từ 1 ngày đến 10 ngày nữa.

VIỆT - NAM CÔNG - HÒA

ĐÔ (TỈNH, THỊ)

Thanh Saigon

TỜ KHAI GIA-ĐÌNH

Nhà số 1103A - 405

Đường E - KINH - E - KINH

Khóm (Ấp) 101 / 19 2

Phường (Xã) 101 Quận

Quê 101

Họ và tên Gia-Trường Trần Thị Mien

Saigon ngày 28 tháng 03 năm 1978

GIA - TRƯỞNG
(Ký tên)

Chứng nhận có cho ở đậu
(dành cho tờ khai của gia đình ở đậu)
CHỦ NHÀ

KIẾN THỊ
KHÓM-TRƯỞNG (ẤP-TRƯỞNG)KIỂM NHẬN
PHƯỜNG-TRƯỞNG (XÃ-TRƯỞNG)

ĐINH-ĐỨC-HỒ

Đại-uy KHUÔNG-HỮU-NGŨ

Đã xem soát

Ô dành riêng để đóng dấu phân biệt tờ khai
của chủ nhà hay của người ở đậu.

Đã phát ra

28-11-78

SS thứ tự	HỌ và TÊN (gia trưởng ghi trước)	Nam Nữ	Quốc tịch	Ngày, tháng, năm và nơi sinh	Nghề-nghiep	Số, ngày và nơi cấp thẻ căn-cứoc	Lên-hạ gia đình	CƯỚC CHU
1	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	10-12-1938 Cầu Lộ	Nội Trú	00927574/15-04-69/AS	gìn giữ	
2	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	02-06-1956 Cầu Lộ	Học Sinh	00595767/06-01/AS	Con	Chai học cấp 12
3	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	03-01-1961 Cầu Lộ	N.T.	715-55-111A	N.T.	
4	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	16-06-1963 Cầu Lộ	N.T.	351A	N.T.	
5	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	15-11-1965 Cầu Lộ	N.T.	1015	N.T.	
6	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	18-05-1965 Cầu Lộ	N.T.	02116575	N.T.	
7	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	19-11-1965 Cầu Lộ	N.T.	00026825/2-2-69/AS	Chồng	
8	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	13-07-1967 Cầu Lộ	N.T.	K5-55-1100	Con	
9	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	19-11-1967 Cầu Lộ	N.T.	5559A	N.T.	
10	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	19-12-1967 Cầu Lộ	N.T.	3140A	N.T.	
11	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	24-12-1967 Cầu Lộ	Học Sinh	777-2	N.T.	
12	Lê Văn Thiệu	Nam	VN	28-02-1968 Cầu Lộ	N.T.	016	N.T.	
ĐƠN SƠ ĐỒ Bức 6.9.11.12 ngày 10/8/75 1/1								

491.158
1V 0384894/
LTNA

Lê Văn Chánh
là cha của
Ngọc ANH ①



HỌ - HƯƠNG CẦN BIẾT :
có tính cách cá nhân và người
chịu trách-nhiệm gìn-giữ.
giá-trị một năm và trong
trường-hợp bị thất lạc sẽ không được
cấp phó bản.



có giá-trị tại khu vực tiêu-thụ
định.
chỉ được mua đề dùng, cấm
lược trao đổi có-tính-cách
đi.
đòi chắc hay cầm thẻ Phiếu
muy.

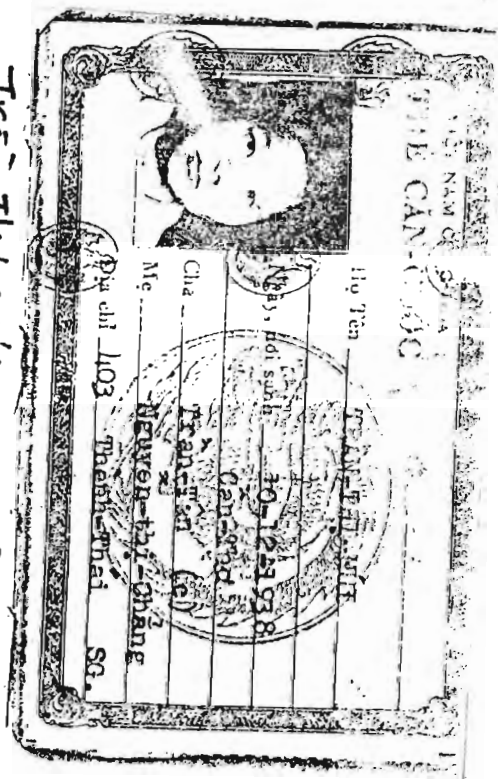
6. Phải hoàn lại Phiếu trong trường-hợp
thời việc tại Cơ-quan.
7. Mọi vi-phạm vào những điều khoản trên
đây sẽ bị tước hồi vĩnh-viễn Phiếu Tiếp-
Tế và có thể truy-tố trước Pháp-luật.

PHIẾU TIẾP - TẾ

Số CSQG02/0333/A
Cơ quan : Ty Cảnh Sát OG
Quận Thủ Đức
Họ, Tên : Lê Văn Chánh
Chức-vụ : Nhân viên
Tên người vợ hoặc người chồng :
Trần Thị Mỹ
Số con : — dưới 18 tháng : 01
— trên 18 tháng : 05
Saigon, ngày 30 tháng 5 năm 1967
Trưởng Cơ-Quan

Được ghi mua hàng tại:
Saigon, ngày tháng năm 196
Đội-diện Tổng-Quét Tiếp-Tế

Trần Thị Mỹ mẹ của
Ngọc ANH



THẺ HỘI VIÊN TIẾP-TẾ
Số CSQG02/0333/A
Ông, Bà Lê Văn Chánh
Thuộc gia - đình
Chức-vụ Nhân viên
Saigon, ngày 30 tháng 5 năm 1967
Trưởng Cơ-Quan
Thiên-tử RẦN-THUY-LY

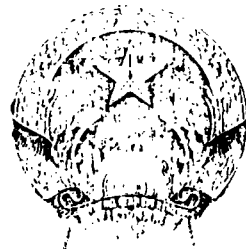


THẺ HỘI VIÊN TIẾP-TẾ
Số CSQG02/0333/A
Ông, Bà Trần Thị Mỹ
Thuộc gia - đình
Chức-vụ Nhân viên
Saigon, ngày 30 tháng 5 năm 1967
Trưởng Cơ-Quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Bộ Công an nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Public Security of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and other countries to allow the bearer of this passport to pass freely and to afford him or her all such assistance and protection as may be necessary.



HỘ CHIẾU
PASSPORT

Số PT BT0050094
N^o

48:

THỊ THỰC — VISAS

Hộ chiếu này gồm 48 trang
This passport contains 48 pages

131111

... ..

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG HỘ CHIẾU

- 1 - Người mang hộ chiếu này phải ký tên vào hộ chiếu và phải giữ gìn cẩn thận. Khi hộ chiếu bị thất lạc phải báo ngay cho Cơ quan cấp hộ chiếu biết, trường hợp đang ở ngoài nước thì phải báo cho Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Lãnh sự của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 2 - Không tự tẩy xóa, viết thêm, sửa đổi những điều đã ghi trong hộ chiếu và không được cho người khác mượn hộ chiếu của mình.
- 3 - Khi đến nước nào có Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Lãnh sự của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đến đăng ký hộ chiếu và trước khi đi nơi khác phải báo lại cho cơ quan đó.
- 4 - Trường hợp hộ chiếu đang sử dụng mà sắp hết hạn phải đem hộ chiếu đến Cơ quan cấp hộ chiếu hoặc Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Lãnh sự để gia hạn.

REGULATIONS ON USING THIS PASSPORT

- 1 - The bearer should append his or her signature in this passport, which must be kept carefully. Any case of loss should be immediately reported to the issuing authority, or if abroad, to the Diplomatic Mission or Consular Post of the Socialist Republic of Vietnam.
- 2 - Unauthorized modification, addition or amendment to the passport is strictly forbidden. The utilization of this passport is restricted to the bearer.
- 3 - When travelling to any country where exists a Diplomatic Mission or Consular Post of the Socialist Republic of Vietnam, the bearer is requested to submit his or her passport for registration and inform the said Diplomatic Mission or Consular Post of his or her departure from that country.
- 4 - In case of imminent expiry, the passport must be submitted to the issuing authority or the Diplomatic Mission or Consular Post of the Socialist Republic of Vietnam for extension.

P 0118941

Giới tính/Sex

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

SUBMITTED _____
ENTERED _____
FILED _____
REGION _____

QUESTIONNAIRE WORLD RELIEF

316 Maynard Ave. South, #101
Seattle, WA 98104
(206) 587-0234

SECTION 1

My name is LE THI NGOC EM Sex F My Present Address _____
Other names I have used N/A MARYSVILLE, WA - 98270
My Date of Birth 11-15-1965 My Phone numbers _____ home _____
My Place of Birth VIET-NAM work _____

SECTION 2

I entered the U.S. on 10-30-1992 (date) From SUNGEI CAMP MALAYSIA (country or camp)
My present status in the U.S. is: ☒ Refugee A# 04 36 99783 02
☐ Permanent Resident Alien A# _____
☐ U.S. Citizen # _____
(naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant	Sex	Date/Place of Birth	Complete Address in Vietnam
<u>LE VĂN CHÁNH</u>	<u>M</u>	<u>1931 VIET NAM</u>	<u>ẤP MỸ XUÂN, XÃ MỸ XUÂN</u>
<u>TRẦN THỊ MUI</u>	<u>F</u>	<u>1938 VIET NAM</u>	<u>HUYỆN CHÂU THÀNH, ĐỒNG NAI</u>

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: 6 (Full list on back)
Does this family have an IV number? N/A Exit Permits? Yes X No N/A
What relation (if any) is the principal applicant to you? FATHER

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY _____ LAST TITLE/GRADE _____
(USAID, CORDS, MACV/DAO)
WORKED FROM _____ TO _____ NAME OF SUPERVISOR _____
EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE _____
U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION _____

NAME/POSITION OF SUPERVISOR _____ WORKED FROM _____ TO _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (pre-1975): TITLE/RANK Second Lieutenant

MINISTRY OR MILITARY UNIT police force FROM 1956 TO 1975

JOB DESCRIPTION Second Lieutenant chief of Archives section LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT _____

NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR _____

RE-EDUCATION CAMP: No _____ Yes ☒ How Long? 5 years 6 months

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

SCHOOL _____ LOCATION _____

TYPE OF DEGREE OR CERTIFICATE _____

DATES OF TRAINING _____ WHO PAID? _____

ASIAN-AMERICAN CHILDREN: NAME _____ SEX _____

DATE OF BIRTH _____ PLACE _____ MARRIED? _____

FULL NAME OF BIRTH MOTHER _____ ADOPTED MOTHER _____

ADDRESS _____ (if none, write none)

SECTION 5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(listed on Page 1)

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVES	Sex	Date/Place of Birth	Relationship to P.A.
1. <u>LÊ THANH VÂN</u>	<u>M</u>	<u>1956 SAIGON</u>	<u>BROTHER</u>
2. <u>LÊ THỊ NGỌC ANH</u>	<u>F</u>	<u>1963 SAIGON</u>	<u>SISTER</u>
3. <u>LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG</u>	<u>F</u>	<u>1969 SAIGON</u>	<u>SISTER</u>
4. <u>LÊ THỊ NGỌC DUNG</u>	<u>F</u>	<u>1972 SAIGON</u>	<u>SISTER</u>
5. _____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____

ANY ADDITIONAL INFORMATION: _____

SECTION 6

I SWEAR THAT THE ABOVE INFORMATION IS TRUE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE.

Signature Lengoc Kem Date DECEMBER 2 1993

Subscribed and Sworn to before me,

Notary Public Signature Barbara Wise

This 2nd Day of December, 1993.

My Commission Expires 7-9-97.

BARBARA WISE